

hu nhiều nộp ít vào ngân khố.

2. Phép Quân Thâu: Cho Nông dân nộp thuế bằng sản vật. Nhà nước tính sản vật theo thời giá trung bình tại chỗ. Đòi thu thuế bằng tiền. Dân sản xuất lược món gì nộp thuế bằng thứ ấy, lược tính giá trung bình, tránh được gian phải bán đồ bán tháo với giá rẻ nát cho bọn đầu cơ để lấy tiền nộp thuế. Những sản vật đó, nhà nước chờ lì nơi khác có nhu cầu cần dùng, được giá thì bán, lợi ấy bỏ vào kho. Thế là cả nông dân và nhà nước đều có lợi, nhà nước khỏi cạnh tranh buôn bán với dân.

3. Phép Mộ Dịch: Đối lệ dịch làm cầu ra làm thuê. Trước kia, vua Tống Thái tổ chia dân ra làm 9 hạng. Từ hạng 1 đến hạng 4 là sung dịch, phải đi làm trâu, quan địa phương cần lúc nào bắt đi làm công dịch lúc đó, như đào kênh, mở đường v.v. mà phải mang theo lương thực tự túc, chẳng được trả lại một đồng nào. Từ hạng 5 đến hạng 9 là gia quyến nhà quan, nhà chùa, đàn bà, độc đinh và vị thành niên đều được miễn dịch. Thành ra công việc sưu dịch chỉ trút nặng lên đầu hạng cùng đinh. Mỗi lần bị bắt đi trâu là bỏ việc mùa màng, vay lương thực, phải trả vào những mùa sau.

Theo lệ dịch mới, chia dân ra làm 5 bậc, nhất luật phải nộp tiền trâu, gọi là miễn dịch tiền để nhà nước lấy tiền đó thuê người làm trâu thay cho mình. Còn các gia quyến nhà quan, nhà chùa, đàn bà, độc đinh, vị thành niên cũng phải nộp trợ dịch tiền để giúp nhà nước thuê người làm trâu.

Phép này giúp nhà nước có thêm nguồn thu nhập và nông dân được an cư lạc nghiệp, không vì nạn sưu dịch mà bỏ hoang mùa màng như trước.

4. Phép Thị Dịch: Phương pháp Hối đoái. Lập một cơ quan Thị dịch tại Biện Kinh - kinh đô nhà Tống, như một Phòng Thương mại đời nay, để xem xét, điều hành việc lưu thông hàng hóa, giúp nhà buôn biết nơi tiêu thụ sản phẩm, khỏi bị ứ đọng lỗ lã. Cơ quan Thị dịch can thiệp và mua giúp những hàng hóa tồn đọng không bán được với giá phải chăng, để chủ hàng khỏi lỗ nặng. Hàng ấy trữ lại chờ dịp bán ra lấy lợi. Những ai không muốn bán, có thể đem hàng ký thác cho cơ

TRONG đồng sách của Sài Gòn cũ, có hai cuốn mà chỉ cần lật qua ít trang, có lẽ không mấy ai tránh khỏi không phút giây suy nghĩ: **Đồng Kinh nghĩa thực**, biên khảo của Nguyễn Hiên Lê, và **Phong trào Duy tân**, biên khảo của Nguyễn Văn Xuân.

Tổng số trang của hai cuốn, cả thảy ngót sáu trăm. Nhưng hãy cứ coi như là chỉ cần lật qua ít từ, lướt qua ít dòng, hẳn sẽ thấy tại sao mà không thể không bận tâm, không thể nào không sững sờ kinh ngạc.

Tại sao, nếu không phải vì "...ai nghe thấy nói một số nhà cựu học và tân học bắt tay nhau gây nên phong trào duy tân đầu tiên trong nước, cũng hăm hở giúp, kẻ công, kẻ của, có kẻ cả của lẫn công. Những nhà quyền tiền nhiều nhất là hiệu Kim hoàn Thế Xuân ở Hàng Bạc, và hiệu hàng tấm Phúc Lợi ở Hàng Ngang, chủ nhân hiệu này là học trò cụ Lương (Văn Can). Hai nhà đó giúp mỗi lần hai, ba trăm đồng..." (**Đồng Kinh nghĩa thực**, trang 93).

Hai, ba trăm đồng (bạc Đồng Dương ngân hàng) ở thời điểm những năm đầu thế kỷ này, tính ra vàng là hàng chục cây, tính ra lúa là hai ba ngàn thùng. Các nhà hào tâm đóng góp, ủng hộ nghĩa thực đã vậy, còn bán thân những người trong cuộc đúng mũi chịu sào thì "sáu bảy tháng sau khi trường mở cửa, quỹ đã gần cạn, cụ bà Lương Văn Can phải bán một hiệu buôn, hiệu Quảng Bình An ở Hàng Ngang, lấy số tiền 7000đ đưa cho cụ ông chi tiêu vào việc trường. Sau này, kể lại việc đó với một người thân trong nhà, cụ bà nói:

- Tôi cầm bút ký tờ đoạn mai mà tay run lên. Từ nhỏ, có bao giờ dám động tới di sản của Tổ tiên đâu. Bán cửa hiệu đó xong, độ một tháng sau trường bị đóng cửa, nếu không, tôi không biết trường sẽ phải dùng cách nào để kiếm tiền." (**Đồng Kinh nghĩa thực**, trang 94).

Chẳng cần phải dài dòng giải thích, tán rộng một khi sự việc tự nó đã nói lên cái hào khí, cái quyết tâm đúng như người xưa thường nói: làm việc nghĩa thì không tính lợi hại. Nói và làm, là một, không phải nói một đằng làm một nẻo.

Và cũng vẫn nói là làm, tức là vừa lập ra nghĩa thực, vừa tổ chức diễn

DUY TÂN: MỌI ĐIỀU ĐỀU MỌI

NGUYỄN NGUYỄN

thuyết hô hào mọi người làm theo cái mới.

"Mỗi khi các diễn giả nhắc đến chuyên tiền bối xả thân cứu nước, thánh giả, nhất là phái nữ, đều rớt nước mắt.

"Có những lúc khốc như vậy thì cũng có những lần thánh giả ôm bụng mà cười. Làm cho mọi người cười thì cũng là cụ Phan Tây Hồ. Hắn hào đồng bào theo người Âu, cắt búi tóc đi, cụ nói:

- Mấy ngàn năm trước, dân tộc ta doan phát văn thân (cắt tóc, xăm mình). Từ khi bị Triệu Đà cướp nước, mới nhiễm tục Trung Hoa, nhưng chỉ một số người ở thành thị theo họ mà thôi. Tới khi nhà Minh chia nước ta thành quận huyện, cưỡng bách toàn dân ăn mặc như họ, thì trai mới búi tóc, gái mới mặc quần hai ống, và người mình thành người Tàu. Ngày nay, chỗ này cụ lớn tiếng - may mà trời mở lòng người, một sớm thức tỉnh, cả nước Duy tân, anh em cắt phăng cái búi tóc đi, khiến cho cái lũ xuân xuân vì trùng (ám chỉ đế quốc xâm lược) không còn đất thực dân trên đầu ta mà hút máu ta thì há chẳng phải là đại khoái ư? Sao, anh em mình nghĩ sao?

Tiếng cười, tiếng hoan hô vang cả phòng.

Khoảng nửa tháng sau, tại Hà Thành, đi đâu cũng nghe thấy có người hát bài "Hối hê!" không biết của ai đặt ra:

Tay trái cầm học,

Tay phải cầm kéo

Hú hê! Hú hê!
Thùng thùng cho khéo
Bỏ cái ngu này
Bỏ cái dại này

.....
Ngày nay ta cướp
Ngày mai ta cạo

Rồi ở Hà Tĩnh, một thanh niên hai mươi tuổi, mỗi buổi chợ phiên, cầm kéo ra chợ, gặp ai còn búi tóc, cũng năn nỉ: "Lạy anh, xin anh cho tôi cắt cục tóc bảo thủ này đi cho rồi" (Đồng Kinh nghĩa thực, trang 81, 82, 83)

Cái kiểu đón đường để cắt búi tóc của người như vậy, ngay khi ấy không phải là không gặp phản ứng của những phần tử thù cừ. Nhưng thông qua việc hồ hào cắt tóc, công cuộc duy tân có sự phổ biến rộng rãi và thâm nhuần. Dù cho là có cản trở, sự đổi mới vẫn cứ đi tới.

Đối với việc hồ hào cắt bỏ búi tóc, trong cuốn Phong trào Duy tân, tác giả Nguyễn Văn Xuân, sau khi dẫn chứng một vài trường hợp chống đối, đã viết: "Hốt tóc không phải là một sự kiện vụ hình thức như có nhiều người lầm tưởng. Chính nó có một giá trị tinh thần rất quan trọng đối với Phong trào Duy tân. Tôi nhớ Mustapha Kemal, lãnh tụ Thổ Nhĩ Kỳ khi bảo bỏ cái mũ Fez tự nhiên bỏ được nhiều tập tục cùng đi với cái mũ ấy" (Phong trào Duy tân, trang 248)

Bỏ được nhiều tập tục, nhưng có lẽ chưa ghê gớm bằng việc cắt cái búi tóc còn trở thành biểu tượng cho sự quyết tâm trong đấu tranh ở những cuộc biểu tình hồi năm 1908 "Cúp tóc, xin sâu". Tại tỉnh Quảng Nam, những cuộc biểu tình đã nổ ra ở Tam Kỳ, Đại Lộc, Điện Bàn. Dân các làng, tay không đã kéo nhau tới phủ huyện rồi Tòa sứ để đưa ra yêu sách:

- 1) Pháp phải nói tay cai trị
 - 2) Pháp phải điều chỉnh việc dùng quan lại. Phải trị tội các quan tham nhũng, tàn ác.
 - 3) Pháp phải để cho Phong trào Duy tân phát triển.
 - 4) Pháp phải nhẹ sâu thuế để dân bớt bị bóc lột đến tận cùng.
- (Phong trào Duy tân, trang 297)

Người dân trong tay không tất sát mà dám ngang nhiên đưa ra những yêu sách kể trên, quả thật là dân đã dám "chơi cha" đối với đế quốc thực dân. Như vậy người dân trong đối mới không phải chỉ thay đổi hình thức, nếp sống, việc học hành mà đi vào đấu tranh chính trị. "Không hiểu do ai ra lệnh mà tất cả đều truyền nhau: muốn xin sâu thì phải hốt tóc. Thế là họ tuyên truyền rộng rãi ra. Lập tức những người bảo thủ nhất, nhưng nóng lòng vì quyền lợi xin sâu cũng bằng lòng đặt cái đầu tóc quý giá của mình dưới lưỡi kéo, cái lược. Chỉ trong thời gian ngắn, dân Quảng Nam đều biến thành tín đồ của chủ nghĩa Dân quyền, tiêu biểu bằng cái đầu ngắn. Ngon triều "cắt tóc xin sâu" tràn ngập như sóng cuộn vỡ bờ" (Phong trào Duy tân, trang 311)

Danh giá về "Phong trào Duy tân", ngay sau khi cuốn biên khảo này ra đời (1970), trên một tạp chí lúc ấy, một cây bút đã viết: "Thư mục đã đưa ra những sách do chính những người đã sống đã hoạt động viết ra như Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng... Ông (Nguyễn Văn Xuân) cũng tìm gặp và phỏng vấn những nhân chứng lịch sử còn sót lại... nhờ đó mà ông đã mô tả lại được một cách tỉ mỉ, sống động, linh hoạt những hoạt động của phong trào trong các lãnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, tất cả được diễn lại linh động như một khúc phim..." (Tạp chí Trình bày, tháng Giêng 1970).

Thế là dù cho chỉ có giới hạn, ở đây bạn đọc cũng đã lướt qua ít dòng. Hiển nhiên cũng không ai cần tìm biết về cái thành bại, về tác động của phong trào, mà từ những góc độ khác nhau, ai nấy đều có thể ghi nhận rằng đối mới là phải đụng chạm với cũ, không nhất thiết là đụng chạm với đặc quyền đặc lợi; đối mới là phải gánh chịu, phải mất mát, phải trả giá.

Và lịch sử quả thật đã vận hành trong những thử thách khốc liệt đến độ lạ lùng. Đầu thế kỷ thì duy tân để tạo điều kiện đấu tranh giành lại đất nước từ trong tay người, cuối thế kỷ thì đối mới để sống còn, để thức dậy đất nước tiến lên. Đối mới dứt khoát không thể là một thứ ngon từ hoa mỹ, càng không thể là một cái gì đó bóng bẩy dùng để xài chơi.

NN.

quan Thị dịch để vay tiền; đúng kỳ hạn theo khế ước, trả đủ vốn, lãi để lấy hàng ra bán v.v. Công việc của cơ quan Thị dịch gần giống như Hội đoái của Ngân hàng bây giờ.

5. Nông Điền Thủy Lợi: Tương tự công cuộc dẫn thủy nhập điền đời nay. Áp dụng phương pháp đào kênh, xây cống đem nước sông vào tưới ruộng, giúp cho những cánh đồng khô khan hoang vu từ trước, khỏi lo trời hạn. Biến những đồng ruộng ấy trở thành phì nhiêu. Đặt mỗi tỉnh một quan Thủy lợi chuyên môn xem xét việc kinh doanh nông điền thủy lợi cho dân. Cho khơi vét lòng sông Hoàng Hà, Biện Hà, Chuông Hà làm cho ruộng vườn hai bên lưu vực các sông ấy cày cấy tiện lợi khỏi lo thủy nạn và khô hạn. Ruộng tốt tăng lên mấy trăm vạn mẫu.

6. Phép Thanh Miếu: Giúp vốn nông dân nghèo làm mùa. Giữ nguyên và phát triển kho trữ thóc thương binh sưng từ thời Hán, Đường. Lúc nào giá lúa ở thôn quê thấp quá, nhà nước sẽ mua tăng lên giúp dân nghèo khỏi thiệt, đem chứa vào kho. Đến khi giá lúa thị trường tăng cao, nhà nước đem lúa bán với giá trung bình cho dân khỏi bị bọn đầu cơ bóc lột. Thương binh sưng có nghĩa là giữ cho giá lúa được ở mức trung bình. Bấy giờ, nông dân khi túng thiếu phải đi vay của nhà giàu để có cái ăn mà làm mùa, bọn phú hộ thừa cơ cho vay cắt cổ một vốn đến năm bảy lời. Để trừ nạn ấy, hai mùa cày cấy Hạ, Thu, quan địa phương xem xét tình hình, rồi lấy thóc trong kho Thương binh sưng ra cho dân vay làm mùa. Khi gặt lúa, dân đem trả lại cho nhà nước với lãi suất 2 hoặc 3 phần. Cho nông dân vay thóc khi lúa của họ còn xanh ngoài ruộng để giúp họ có vốn làm mùa, đó là phép Thanh miếu tiền. Phép này vừa làm cho nhà nước thu nhập tăng tiến, vừa giúp nông dân nghèo khỏi bị bọn phú nông thừa cơ cho vay thối cổ.

7. Phép Bảo Giáp: Tĩnh vi dân, động vi binh. Phép này tập cho dân tự vệ canh phòng trộm cướp, giữ làng khi thời bình, lúc có giặc sung quân giữ nước. Phép Bảo Mã: Nhà nước giao ngựa cho dân nuôi, ai nuôi nhiều và ngựa béo tốt sẽ được miễn giảm thuế. Khi thanh bình, dân được dùng ngựa vào việc riêng;